



  
**HEALTHCARE**  
Bảo hiểm Sức khỏe

**Bảo hiểm  
Sức khỏe Cao cấp**

**Với Bảo hiểm Liberty, bạn Vững tâm Tiến bước**



**Liberty  
Insurance**



- Bảo hiểm cả tai nạn và bệnh tật
- Khám & chữa bệnh ở Việt Nam hoặc nước ngoài
- Được hỗ trợ y tế khẩn cấp toàn cầu bởi International SOS
- Miễn phí kiểm tra sức khỏe định kỳ/chích ngừa
- Không giới hạn chi phí điều trị hay số ngày nằm viện
- Chi trả toàn bộ chi phí phẫu thuật, điều trị bệnh ung thư, dịch vụ xe cấp cứu, cấy ghép bộ phận cơ thể và dịch vụ y tá chăm sóc tại nhà
- Vận chuyển y tế cấp cứu và hồi hương ở Việt Nam hoặc nước ngoài
- Không áp dụng hạn chế về thời gian chờ đối với các bệnh đặc biệt
- Không giới hạn số lần khám bệnh và chi phí cho mỗi lần khám
- Lựa chọn linh hoạt với bảo hiểm nằm viện, ngoại trú, thai sản và nha khoa
- Thủ tục bồi thường minh bạch, nhanh chóng và công bằng
- Giảm phí tái tục khi không có bồi thường
- Dịch vụ khách hàng 24/7

## CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ (Đơn vị tính: VNĐ)

CHI PHÍ NĂM VIỆN	Chương trình H1 Classic	Chương trình H2 Executive	Chương trình H3 Premier
<b>Giới hạn bảo hiểm tối đa</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>6.600.000.000</b>	<b>22.000.000.000</b>
<b>Tất cả chi phí nằm viện</b> Bao gồm chi phí phẫu thuật, phòng mổ, trang thiết bị phẫu thuật, nghiên cứu, chăm sóc y tế v.v...  Tiền phòng và ăn uống – theo ngày  Phòng săn sóc đặc biệt – theo ngày Giường cho người nhà – theo ngày	Toàn bộ  Phòng đơn tiêu chuẩn lên đến 5.500.000  16.500.000 2.200.000	Toàn bộ  Phòng đơn tiêu chuẩn lên đến 7.150.000  16.500.000 3.960.000	Toàn bộ  Phòng đơn tiêu chuẩn  Toàn bộ Toàn bộ
<b>Điều trị ung thư</b> Điều trị nội trú hoặc điều trị trong ngày tại bệnh viện Tối đa cho một năm hợp đồng	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
<b>Điều trị trong ngày</b> Nhập viện nhưng không ở qua đêm tại bệnh viện Tối đa cho một năm hợp đồng	110.000.000	Toàn bộ	Toàn bộ
<b>Dịch vụ xe cấp cứu</b> Dịch vụ vận chuyển cấp cứu đường bộ cần thiết đến và từ bệnh viện tại địa phương	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
<b>Chi phí cấy ghép bộ phận</b> Đối với thận, tim, gan và tủy xương Tối đa cho từng bệnh lý hay thương tật	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
<b>Chi phí điều trị trước và sau khi nằm viện</b> Chi phí ngoại trú trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện và 90 ngày ngay sau khi xuất viện Tối đa cho mỗi lần nằm viện	33.000.000	44.000.000	110.000.000
<b>Điều trị tại khoa cấp cứu</b> Phòng cấp cứu của Bệnh viện trong thời gian không quá 24 giờ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
<b>Y tá chăm sóc tại nhà</b> Tối đa 182 ngày cho một năm hợp đồng	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
<b>Tâm lý trị liệu</b> Tối đa là 30 ngày nằm viện cho một năm hợp đồng, sau 24 tháng chờ Tối đa cho một năm hợp đồng	Không áp dụng	Không áp dụng	220.000.000
<b>Điều trị nha khoa khẩn cấp</b> Ngay sau khi tai nạn xảy ra với điều kiện răng chữa trị phải trong tình trạng tốt và là răng thật Tối đa trong một năm hợp đồng	220.000.000	440.000.000	1.100.000.000
<b>AIDS/HIV</b> Xảy ra trong thời gian hiệu lực hợp đồng, bao gồm những năm tái tục và xuất hiện sau khi hợp đồng liên tục trong 5 năm kể từ ngày hiệu lực đầu tiên	10% giới hạn bảo hiểm tối đa/suốt đời	10% giới hạn bảo hiểm tối đa/suốt đời	10% giới hạn bảo hiểm tối đa/suốt đời
<b>Vận chuyển y tế cấp cứu/hồi hương</b>	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
<b>Vận chuyển thi hài về quê quán</b>	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
<b>Thông tin và hỗ trợ về y tế/pháp luật</b>	24/24 giờ	24/24 giờ	24/24 giờ
<b>Trợ cấp thăm bệnh</b>	1 vé bay hai chiều hạng phổ thông	1 vé bay hai chiều hạng phổ thông	1 vé bay hai chiều hạng phổ thông
<b>Đưa trẻ em về quê quán</b>	1 vé bay một chiều hạng phổ thông	1 vé bay một chiều hạng phổ thông	1 vé bay một chiều hạng phổ thông

## BẢO HIỂM BỔ SUNG TỰY CHỌN (Đơn vị tính: VNĐ)

CHI PHÍ Y TẾ	Chương trình H1 Classic	Chương trình H2 Executive	Chương trình H3 Premier
<b>1. ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ</b>			
Giới hạn BH tối đa cho 1 năm hợp đồng cho điều trị ngoại trú	110.000.000	110.000.000	Toàn bộ trong giới hạn tối đa cho quyền lợi
Điều trị ngoại trú tổng quát	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Điều trị ngoại trú chuyên khoa	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Xét nghiệm và chụp X-quang (theo chỉ định bác sĩ)	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Thuốc theo đơn kê (theo chỉ định bác sĩ)	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Chi phí chữa trị Đông y, nắn xương & châm cứu Đông y (Tối đa cho mỗi lần điều trị, tối đa 10 lần điều trị trong năm)	990.000 cho 1 lần điều trị	990.000 cho 1 lần điều trị	990.000 cho 1 lần điều trị
Vật lý trị liệu và nắn khớp xương (theo chỉ định bác sĩ) (Tối đa cho mỗi lần điều trị, tối đa 15 lần điều trị trong năm)	1.320.000 cho 1 lần điều trị	1.320.000 cho 1 lần điều trị	1.320.000 cho 1 lần điều trị
Liệu pháp thay thế nội tiết tố Tối đa cho một năm hợp đồng	44.000.000	44.000.000	44.000.000
Kiểm tra sức khỏe định kỳ/chích ngừa/khám sức khỏe cho việc cấp giấy phép lao động Tối đa cho một năm hợp đồng	3.000.000	3.000.000	3.000.000
<b>2. CHĂM SÓC NHA KHOA</b> Được áp dụng khi mua cùng Chương trình Điều trị Ngoại trú			
Giới hạn bảo hiểm tối đa cho chăm sóc nha khoa	33.000.000	33.000.000	33.000.000
Kiểm tra răng định kỳ (bao gồm cạo vôi & đánh bóng) Một lần trong năm, tối đa cho một năm hợp đồng	2.200.000	2.200.000	2.200.000
Quyền lợi nha khoa cơ bản Nhổ răng, trám amalgam, chụp X quang, lấy cao răng	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Quyền lợi nha khoa chủ yếu Sau 9 tháng được bảo hiểm: Nhổ răng mọc bất thường, lấy tủy, cấy u răng, cấy cuống răng Sau 12 tháng được bảo hiểm: Mão sứ, cầu răng, răng giả	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
<b>3. THAI SẢN</b> Được áp dụng khi mua cùng Chương trình Điều trị Nội trú			
Giới hạn bảo hiểm tối đa	110.000.000	110.000.000	110.000.000
Chi phí trước và sau khi sinh, chi phí sinh em bé, chi phí điều trị do hư thai, phá thai vì lý do y tế, hoặc bất kỳ biến chứng nào phát sinh từ việc mang thai, bao gồm chi phí chăm sóc trẻ sơ sinh trong vòng 30 ngày (Thời gian chờ 12 tháng)	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Giới hạn phụ ngoài giới hạn bảo hiểm tối đa cho thai sản được áp dụng cho chăm sóc nhi khoa vì lý do y tế (bao gồm trong giới hạn 30 ngày nêu trên)	44.000.000	44.000.000	44.000.000

## ĐIỀU KIỆN THAM GIA BẢO HIỂM

	Cá nhân và gia đình	Doanh nghiệp và tổ chức
Người được bảo hiểm	- Cá nhân - Gia đình bao gồm vợ/chồng và con	- Nhân viên làm việc toàn thời gian tại Doanh nghiệp/ Tổ chức - Vợ/chồng, con hợp pháp của Nhân viên
Độ tuổi tham gia bảo hiểm	- Khách hàng mới: từ 15 ngày tuổi đến 64 tuổi - Khách hàng tái tục: tối đa đến 74 tuổi	

## BẢNG PHÍ BẢO HIỂM (Đơn vị tính: 1.000 VNĐ)

Nhóm tuổi (Ngày sinh nhật sau cùng)	Vùng 2				Vùng 4			
	Chương trình H1 Classic	Chương trình H2 Executive	Chương trình H3 Premier	Điều trị Ngoại trú (*)	Chương trình H1 Classic	Chương trình H2 Executive	Chương trình H3 Premier	Điều trị Ngoại trú (*)
15 ngày - 5 tuổi	9.095	10.801	14.780	14.268	10.186	12.097	16.553	15.780
6 - 17	8.422	10.001	13.685	12.740	9.433	11.201	15.327	14.089
18 - 24	8.443	10.027	13.720	9.474	9.457	11.229	15.366	10.478
25 - 29	8.822	10.476	14.336	10.561	9.881	11.734	16.057	11.680
30 - 34	9.842	11.688	15.993	11.326	11.023	13.089	17.911	12.526
35 - 39	12.614	14.979	20.497	14.153	14.127	16.776	22.957	15.651
40 - 44	15.840	18.810	25.740	16.005	17.741	21.067	28.829	17.700
45 - 49	19.568	23.236	31.798	19.386	21.915	26.025	35.614	21.440
50 - 54	24.289	28.843	39.469	20.906	27.203	32.304	44.206	23.119
55 - 59	31.169	37.013	50.650	25.804	34.910	41.455	56.728	28.536
60 - 64	42.111	50.007	68.430	34.294	47.165	56.008	76.641	37.925
65 - 69 (**)	58.542	69.519	95.131	42.460	65.568	77.861	106.547	46.956
70 - 74 (**)	96.579	114.687	156.940	64.232	108.169	128.450	175.773	71.034

(\*) Mức miễn thường tiêu chuẩn đối với điều trị ngoại trú là 550.000 VNĐ cho mỗi lần khám. Mức miễn thường này có thể được loại bỏ với mức tăng phí 30% đối với điều trị ngoại trú.

(\*\*) Chỉ áp dụng cho tái tục.

Vùng 1: Toàn cầu, có mức miễn thường 44.000.000 VNĐ đối với mỗi bệnh điều trị ở USA/Canada (Tăng 10% trên tổng phí của Vùng 4).

Vùng 2: Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan, Singapore, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Indonesia và Philippines.

Vùng 3: Toàn cầu (Tăng 20% trên tổng phí của Vùng 4).

Vùng 4: Toàn cầu (loại trừ Mỹ và Canada).

CHĂM SÓC NHA KHOA (Được áp dụng khi mua cùng Chương trình Điều trị Ngoại trú)						
Cho từng người			7.632			
THAI SẢN (Chỉ áp dụng cho nhóm)						
Nhóm tuổi (ngày sinh nhật sau cùng)		18 - 24	25 - 29	30 - 34	35 - 39	40 - 44
Cho từng người (nữ)		12.120	15.181	15.181	13.344	13.344

## CHÍNH SÁCH GIẢM PHÍ BẢO HIỂM

	Số người được bảo hiểm	Tỷ lệ giảm phí
<b>Giảm phí cho gia đình</b>	Từ 3 thành viên được bảo hiểm trở lên	5%
<b>Giảm phí cho nhóm</b>	5 – 10	10%
	11 – 30	15%
	31 – 50	20%

### Ghi chú quan trọng:

Bảng phí bảo hiểm này có hiệu lực từ ngày 15/09/2015 và chỉ áp dụng cho Nhóm nghề nghiệp loại I và II và cho những rủi ro tiêu chuẩn. Bảng tóm tắt trong tờ giới thiệu này hỗ trợ cho khách hàng trong việc cân nhắc các quyền lợi của chương trình Bảo hiểm Sức khỏe Liberty Healthcare. Tất cả các quyền lợi sẽ được trả theo các mức chi phí hợp lý tại nơi cung cấp dịch vụ.

Hợp đồng bảo hiểm này chỉ dành cho công dân Việt Nam và thường trú nhân Việt Nam; nhưng không áp dụng cho công dân của các nước bị cấm vận theo nghị quyết của Liên Hiệp Quốc, Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, Liên Hiệp Châu Âu và Vương Quốc Anh.

Tài liệu này chỉ có tính chất tham khảo. Để có đầy đủ thông tin mới nhất về quyền lợi, điều kiện, giới hạn và điểm loại trừ, khách hàng nên tham khảo hợp đồng bảo hiểm và bản sửa đổi bổ sung (nếu có) do Liberty cung cấp.